

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2023 – 2024**

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Căn cứ vào Quyết định số 2632/QĐ-BGDĐT ngày 24/7/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Căn cứ vào Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình GDPT 2018;
- Căn cứ vào Công văn số 2435/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;
- Căn cứ Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;
- Căn cứ công văn số 265/PGDĐT ngày 06/9/2023 về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2023-2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiểu Cần;
- Căn cứ Kế hoạch số 21/KH-PGDĐT, ngày 30/8/2023 của Phòng GD và ĐT huyện Tiểu Cần về nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp năm học 2023 – 2024;
- Căn cứ vào Kế hoạch số 32/KH-TH.CQA, ngày 18/08/2018 của Trường Tiểu học thị trấn Cầu Quan A về kế hoạch chiến lược phát triển Trường Tiểu học Thị trấn Cầu Quan A Giai đoạn 2018 – 2020 và Tầm nhìn đến năm 2025;
- Căn cứ và Kế hoạch số 11/KH-TH.CQA ngày 08/9/2023 của Trường Tiểu học thị trấn Cầu Quan A về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2023 – 2024;

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2023 – 2024

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

- Toàn Đảng, toàn dân ra sức thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Thị trấn Cầu Quan đang trên đà phát triển, toàn Đảng, toàn dân đang ra sức thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐU ngày 29 tháng 5 năm 2020 nghị quyết đại hội Đảng viên thị trấn Cầu Quan lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025 ra sức phấn đấu đạt chỉ tiêu về văn hóa xã hội, phấn đấu đạt tỉ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi Tiểu học đạt 99,65%; nâng chất các trường đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 100%; bảo hiểm xã hội tự nguyện 30% và bảo hiểm thất nghiệp 25%.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2023 – 2024

Trường Tiểu học thị trấn Cầu Quan A đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào tháng 5/2014, đang trong giai đoạn xây dựng để tái công nhận vào năm học 2024-2025. Trong nhiều năm liền, trường luôn được UBND huyện, UBND tỉnh xét công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và Tập thể Lao động Xuất sắc. Chất lượng giáo dục của nhà trường được nâng lên qua từng học kì, từng năm học. Hàng năm đều huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; tổ chức tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” và duy trì tốt sĩ số học sinh hàng năm. Số học sinh lớp 5 được công nhận Hoàn thành chương trình Tiểu học luôn đạt 100%. Hiệu quả đào tạo 5 năm gần đây đều đạt trên 95%. Đơn vị thường xuyên đạt nhiều giải trong các phong trào, hội thi như: Vở sạch chữ đẹp, Tin học trẻ, giải Toán trên internet, Tiếng Anh trên internet, kể chuyện sách, sắc màu tuổi thơ, bóng đá mini... Nhiều năm qua, trường đã được UBND huyện Tiểu Cần, UBND tỉnh Trà Vinh tặng Giấy khen “Tập thể Lao động Xuất sắc; năm học 2019-2020 được nhận Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ.

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2023 - 2024, nhà trường có 25 lớp với tổng số 854 học sinh, trong đó nữ 409, dân tộc Khmer 13, Hoa 05, quốc tịch Pháp 1, học sinh khó khăn 55, học sinh khuyết tật 14, 100% học 2 buổi/ngày, tỷ lệ học sinh trên lớp 34,16 học sinh. Chia ra:

- + Lớp 1: 5 lớp/165 HS (tuyển mới 159, lưu ban 5, nữ 71, dân tộc 5)
- + Lớp 2: 5 lớp/166 HS (tuyển mới 04, lưu ban 01, nữ 82, dân tộc 2)
- + Lớp 3: 5 lớp/171 HS (tuyển mới 05, lưu ban 01, nữ 90, dân tộc 01)
- + Lớp 4: 5 lớp/174 HS (tuyển mới 03, nữ 75, dân tộc 07)
- + Lớp 5: 5 lớp/178 HS (tuyển mới 03, nữ 91, dân tộc 03)

Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 43; trong đó: 22 nữ, 21 nam; chia ra:

Hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 01; Văn thư + Kế toán: 01; Bảo vệ : 02; Tổng phụ trách: 01; Anh văn: 03; Tin học 01; Thể dục: 01; Mỹ thuật: 01; Âm nhạc: 01; GVPT: 30

Trình độ đào tạo của CBGVNV: Đại học: 38; Đại học Kế toán 01; Cao đẳng SP: 01; Trung học SP: 01.(không tính nhân viên bảo vệ)

Trình độ giáo viên đạt chuẩn 36/38 (94,74%); chưa đạt chuẩn 02/38 (5,26%) ; Tỷ lệ giáo viên trên lớp 1,48%

Tổng số đảng viên: 24/43 (55,81%); Trung cấp LLCT: 03, Sơ cấp LLCT: 11

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

Nhà trường có 36 phòng học và phòng chức năng, chia ra như sau:

- Phòng học: 25 phòng/25 lớp
- Phòng chức năng: 11 phòng, gồm các phòng sau:

- + 02 phòng Tin học;
- + 01 phòng Ngoại ngữ;
- + Thư viện;
- + Văn phòng + Phòng Hiệu trưởng + Phó hiệu trưởng;
- + Phòng họp + Văn phòng;
- + Phòng truyền thống và hoạt động Đội + Phòng y tế học đường;

Ngoài ra còn có:

- + Phòng thường trực;
- + Kho;
- + Sân bóng đá mini;

Trang thiết bị đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2023 - 2024

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với các khối lớp 1, 2, 3, 4 và 6, 7, 8, chuẩn bị cho hai khối lớp còn lại 5 và 9. Tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học, hỗ trợ giải đáp những vướng mắc của giáo viên trong quá trình tổ chức dạy học, không phó thác. Nâng cao chất lượng SGK; hoàn thiện các vấn đề về lựa chọn, sử dụng SGK. Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá tích cực theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; Bảo đảm an toàn trường học

- Tiếp tục thực hiện đổi mới quản lý giáo dục theo hướng phân cấp, phân quyền đảm bảo hiệu quả, phù hợp xu hướng phát triển giáo dục; thực hiện kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội.

- Thực hiện tốt các hoạt động nêu gương, tôn vinh, biểu dương tuyên truyền gương điển hình tiên tiến, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong từng cơ sở giáo dục.

Sứ mệnh:

Tạo dựng môi trường học tập “ **Nề nếp, kỷ cương, chất lượng** ”. Mỗi học sinh đều có cơ hội để phát triển khả năng sáng tạo của bản thân.

Tầm nhìn:

Trở thành một trường học có chất lượng cao; đào tạo những con người
“ Khỏe mạnh về thể chất, năng động về trí tuệ và luôn giàu lòng nhân ái. ”

Giá trị cốt lõi:

“ Đoàn kết – Trách nhiệm – Trung thực – Sáng tạo – Nhân ái ”

- **Đoàn kết:** Xây dựng tập thể đoàn kết, thống nhất, có khả năng tương tác, hỗ trợ cùng hướng đến mục tiêu chung.

- **Trách nhiệm:** Nêu cao vai trò, tinh thần trách nhiệm, ra sức thi đua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dạy và học.

- **Trung thực:** Đề cao giá trị lòng tự trọng, tính trung thực và ý thức cộng đồng của học sinh, trên nền tảng phẩm chất, tư cách, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên.

- **Sáng tạo:** Phát huy tinh thần sáng tạo, đổi mới trong tổ chức, quản lý và các hoạt động dạy học.

- **Nhân ái:** Nuôi dưỡng những tâm hồn biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ với mọi người.

Phương châm hành động: “ *Rèn đức, luyện tài* ”

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục học sinh

Phấn đấu từ 99% trở lên học sinh đạt hoàn thành các môn học bắt buộc, nội dung giáo dục của địa phương; 100% học sinh xếp đạt về các năng lực, phẩm chất theo qui định tại thông tư 32/2018/BGDĐT; 100% học sinh tham gia và hoàn thành mục tiêu các hoạt động giáo dục của nhà trường. Cụ thể:

+ Tăng cường chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo chương trình GDPT 2018, kế hoạch giáo dục, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động GD.

+ Nâng cao chất lượng giáo dục, làm tốt công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn.

2.2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên

- Đảm bảo về số lượng và cơ cấu phù hợp đáp ứng thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn theo chức danh nghề nghiệp quy định; phấn đấu 100% giáo viên đạt chuẩn vào năm 2025 (theo Luật Giáo dục 2019 và Thông tư 71 về lộ trình nâng chuẩn GV).

- 100% cán bộ, giáo viên phải thực hiện công tác tự bồi dưỡng và bồi dưỡng thường xuyên hàng năm.

- Thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, sinh hoạt chuyên đề để bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên.

2.3. Học sinh

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học từ 99% trở lên.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 1%.

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học từ 99% trở lên.

- 100% học sinh học tham gia bảo hiểm Y tế (thông qua các hình thức).

- 100% học sinh học 2 buổi/ngày (từ 32 tiết/tuần trở lên) ở lớp 1, lớp 2 và lớp 3.

- Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 năm 2023 một cách vững chắc.

- 100% học sinh được học môn Tiếng Anh, môn Tin học theo quy định của Chương trình GDPT 2018.

- Khen thưởng tỷ lệ từ : 40 % trở lên

- Mỗi lớp có ít nhất 05 học sinh tham gia Hội thi viết đúng- viết đẹp cấp trường.

- Mỗi lớp 3.4.5 có ít nhất 05 học sinh tham gia Hội thi IOE cấp trường.

- Mỗi lớp có ít nhất 02 học sinh tham gia Hội thi giải toán bằng tiếng Việt trên inter cấp trường.

- 100% học sinh học tham gia bảo hiểm Y tế (thông qua các hình thức).

- 100% học sinh học 2 buổi/ngày (từ 32 tiết/tuần trở lên) ở lớp 1, lớp 2, lớp 3, 4

- 100% học sinh có đủ sách giáo khoa theo quy định tối thiểu.

- 100% học sinh đều được giáo viên rèn phương pháp tự học

* Bảng chỉ tiêu phân đầu:

+ Duy trì sĩ số:

Khối	Đầu năm	Cuối năm	Tỉ lệ (%)
1	165	165	<i>100</i>
2	166	166	<i>100</i>
3	171	171	<i>100</i>
4	174	174	<i>100</i>
5	178	178	<i>100</i>
TC	854	854	100

+ Chất lượng học tập:

Khối	Tổng số HS	Hoàn thành tốt	Tỉ lệ	Hoàn thành	Tỉ lệ	Chưa hoàn thành	Tỉ lệ
1	165	91	55,15	70	42,42	4	2,42
2	166	87	52,41	79	47,59	/	/
3	171	80	46,78	91	53,22	/	/
4	174	75	43,10	99	56,90	/	/
5	178	78	43,82	100	56,18	/	/
Tổng Cộng	854	411	48,13	439	51,41	4	0,47

+ Năng lực - Phẩm chất:

* **Khối 1.2.3.4:**

KHỐI	TS HS	PHẨM CHẤT										NĂNG LỰC CHUNG					
		Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm		NL1		NL2		NL3	
MỨC ĐẠT		T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ
Khối 1	165	91	74	91	74	91	70	91	74	91	74	91	74	91	74	91	74
Khối 2	166	87	79	87	79	87	79	87	79	87	79	87	79	87	79	87	79
Khối 3	171	80	91	80	91	80	91	80	91	80	91	80	91	80	91	80	91
Khối 4	174	75	99	75	99	75	99	75	99	75	99	75	99	75	99	75	99

KHỐI	TS HS	NĂNG LỰC ĐẶC THÙ											
		Ngôn ngữ		Tính toán		Khoa Học		Thẩm Mỹ		Thể chất		Công nghệ	Tin Học
MỨC ĐẠT		T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ
Khối 1	165	91	74	91	74	91	74	91	74	91	74		
Khối 2	166	87	79	87	79	87	79	87	79	87	79		
Khối 3	171	80	91	80	91	80	91	80	91	80	91	80	
Khối 4	174	75	99	75	99	75	99	75	99	75	99	75	

*** Khối 5:**

[illegible]

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

- **Đối với các lớp 5:** thực hiện theo Chương trình giáo dục tiểu học hiện hành (Quyết định số 16/2006/BGDĐT)

- **Đối với lớp 1, lớp 2:** căn cứ khung Chương trình GDPT 2018 (Thông tư số 32/2018/BGDĐT), các văn bản hướng dẫn dạy học đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 năm học 2022 – 2023 và tình hình thực tế của đơn vị, nhà trường thống nhất quy định về các môn học, hoạt động giáo dục, chương trình tăng cường/mở rộng, cụ thể như sau:

- Số tiết các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: 875 tiết/ khối

- Số tiết tăng cường/mở rộng: 245 tiết/ khối

Tổng cộng: 1.120 tiết/ khối

- Đối với lớp 3:

- Số tiết các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: 980 tiết

- Số tiết tăng cường/mở rộng: 140 tiết

Tổng cộng: 1.120 tiết

- Đối với lớp 4:

- Số tiết các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: 1050 tiết

- Số tiết tăng cường/mở rộng: 140 tiết

Tổng cộng: 1.120 tiết

- Quy định thời gian học:

+ Học kì I: từ ngày 05/9/2023 đến ngày 05/01/2024 (Kiểm tra học kỳ 1: từ ngày 01/01/2024 đến ngày 05/01/2024)

+ Học kì II: từ ngày 08/01/2024 đến ngày 17/5/2024 (Kiểm tra học kỳ 2: từ ngày 13/5/2024 đến ngày 17/5/2024)

- Quy định cụ thể số tiết dạy trong từng học kỳ và cả năm học:

TT	Môn học	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		CN	HKI	HKII	CN	HKI	HKII	CN	HKI	HKII	CN	HKI	HKII	CN	HKI	HKII
Môn học bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119			
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85			
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17			
4	GD thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34			
5	Nghệ thuật (ÂN + MT)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34			
6	Tự nhiên và xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
7	Ngoại ngữ							140	72	68	140	72	68			
8	Tin học và Công nghệ							70	36	34	70	36	34			
9	Khoa học										70	36	34			
10	Lịch sử và Địa lí										70	36	34			
Hoạt động giáo dục bắt buộc																

11	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51			
Chương trình tăng cường/mở rộng																
12	Tiếng Việt (Bổ sung)	105	54	51	105	54	51	35	18	17	35	54	51			
13	Toán (Bổ sung)	70	36	34	70	36	34	35	18	17	35	54	51			
14	Bồi dưỡng Học sinh	35	18	17	35	18	17	35	18	17						
15	Tiết đọc Thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17						
Tổng số tiết		1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120					
Số tiết/tuần (cả năm học)		32 tiết/tuần			32 tiết/tuần			32 tiết/tuần			32 tiết/ tuần					
Số buổi/tuần		9 buổi			9 buổi			9 buổi			9 buổi					

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Hoạt động ngoại khóa ở tiểu học có nội dung rất đa dạng và phong phú bao gồm: hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, giáo dục địa phương... nhằm phát triển năng lực và phẩm chất toàn diện của học sinh và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan du lịch, giao lưu văn hóa, các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, môi trường; các hoạt động lao động công ích; các hoạt động xã hội; các hoạt động từ thiện phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của lứa tuổi học sinh tiểu học (Điều lệ trường tiểu học). Cụ thể trong năm sẽ tổ chức các hoạt động:

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 10	Chăm ngoan, học giỏi	- Phát triển mô hình các câu lạc bộ học tập. Khuyến khích thiếu nhi tích cực, chủ động trang bị những kiến thức về ngoại ngữ, tin học; định hướng cho các em tiếp cận sử dụng Internet phục vụ nhu cầu học tập, giải trí lành mạnh. - Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11. - Tổ chức sinh hoạt Liên đội dưới cờ tuyên truyền, phổ biến Luật trẻ em và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến trẻ em.	TPT	GVCN
Tháng 11	Nhớ ơn thầy cô	- Tổ chức các hoạt động tri ân thầy cô nhân ngày nhà giáo Việt Nam 20/11. - Các Liên đội phát động xây dựng các mô hình học tập như CLB điểm 10, đôi bạn cùng tiến...	TPT	GVCN
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Các lớp thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa nhân kỷ niệm ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam, các buổi giao lưu nói chuyện truyền thống.	TPT	GVCN

		- Tổ chức giao lưu kết nghĩa giữa các lớp trong trường - <i>Tổ chức các hoạt động hướng về các chiến sỹ, gia đình thân nhân đang làm nhiệm vụ giữ gìn biển đảo, biên giới Tổ quốc.</i> - <i>Tổ chức hội thu Kế hoạch nhỏ; trao quà tặng Vì bạn nghèo.</i> - Khối 4.5 có bước chuẩn bị tập luyện Nghi thức Đội. - Chuẩn bị nội dung báo cáo Sơ kết học kỳ I		
Tháng 1/2024	Chào mừng năm mới	- <i>Tổ chức các hoạt động chào đón năm mới.</i> - Văn nghệ mừng Đảng, mừng Xuân - Chương trình xuân yêu thương	TPT	GVC N
Tháng 2/2024	Em là mầm non của Đảng	- <i>Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.</i> - <i>Sinh hoạt dưới cờ với chủ đề: Em là mầm non của Đảng</i>	TPT	GVC N
Tháng 3/2024	Thiếu nhi vui, khỏe - Tiến bước lên Đoàn	- <i>Tổ chức Ngày hội "Thiếu nhi vui, khỏe"</i> - <i>Sinh hoạt liên đội dưới cờ với chủ đề: Tiến bước lên Đoàn</i> - <i>Tham gia Hội thi Nghi thức Đội cấp huyện.</i> - <i>Tham gia Hội thi "Tin học trẻ" cấp huyện</i>	TPT	GVC N
Tháng 4/2024	Mừng non sông thống nhất	- Tổ chức tuyên truyền kỷ niệm ngày giải phóng hoàn toàn Miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2024). - Tổ chức các hoạt động thể thao kỷ niệm ngày thành lập Đội TNTP Hồ Chí Minh 15/5. - Tổ chức ngày hội đọc sách	TPT	GVC N
Tháng 5/2024	Tự hào Đội viên	- Tổ chức các hoạt động Đội viên làm theo lời Bác và kỷ niệm ngày sinh Bác Hồ. - Tham gia Hội thi Tin học trẻ cấp tỉnh - Phát động các hoạt động hè năm 2024 - Báo cáo tổng kết năm học; báo cáo mô hình tiêu biểu.	TPT	GVC N

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học

Tạo sân chơi bổ ích và lành mạnh cho học sinh; tạo điều kiện cho các em được phát triển năng khiếu; nuôi dưỡng niềm đam mê học tập, nghiên cứu khoa học; ham thích tìm tòi, khám phá và sáng tạo; được giao lưu học hỏi bạn bè và mọi người; thực hiện các quyền của trẻ em, đặc biệt là quyền phát triển và quyền tham gia. Tạo cơ hội cho học sinh được thực hành, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào cuộc sống thực tiễn; được mở rộng, phát triển các kiến thức, kỹ năng về tự nhiên, xã hội và con người; được tham gia các hoạt động cộng đồng phù hợp với khả năng, trên cơ sở đó thúc đẩy, tăng cường vai trò của các em đối với cộng đồng.

Góp phần hình thành và phát triển ở HS những giá trị và năng lực cần thiết của con người Việt Nam mới (như: các giá trị tự trọng, tự tin, tôn trọng, nhân ái, khoan dung, trung thực, trách nhiệm, kỷ luật, khiêm tốn, kiên trì, vượt khó, chung sống hoà bình,... và các năng lực hoạt động xã hội, năng lực giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, tìm kiếm và xử lý thông tin, tư duy sáng tạo, ...), đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế. Cụ thể:

- Thành lập các CLB năng khiếu, sở trường: CLB Âm nhạc; CLB Mỹ thuật; CLB bóng đá mini; CLB Tin học; CLB Tiếng Anh; CLB Toán học,...
- Giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao,....

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 - 2024 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

Ngày tựu trường: ngày 28/8/2023 - 01/9/2023;

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2023

Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2023 đến trước ngày 05/01/2024 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 08/01/2024 đến trước ngày 30/5/2024 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Ngày bế giảng năm học: Từ ngày 27/5/2024 đến trước 30/5/2024

Trường Tiểu học Thị trấn Cầu Quan A xây dựng thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 – 2024, cụ thể như sau:

3.1. Đối với khối lớp 1

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động GD thực hiện theo tuần trong năm học.

THỜI GIAN		Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần	
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7		
Sáng	1	HĐTN	TV	TV	TV	TV			
	2	TV	TV	TV	TV	TV			
	3	TV	TNXH	T	TNXH	T			
	4	Toán	ÂN	ĐĐ	MT	HĐTN			
Chiều	5	TV(bs)	T(bs)	GDTC	TV				
	6	TV(bs)	TV(bs)	T(bs)	HĐTT				
	7	TV	HĐTN	TV(bs)	GDTC				
Tsố tiết/tuần		32							
TỔNG HỢP									
TT	Nội dung			Số lượng tiết học			Chi chú		
1	Tiếng Việt			12					
2	Toán			3					
3	Đạo đức			1					

[illegible]

Bảng phân phối chương trình lớp 2- Học kỳ 2

[illegible]

3.3. Đối với khối lớp 3

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động GD thực hiện theo tuần trong năm học.

THỜI GIAN		Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/th áng	Ngày/ tháng	Ngày y/thá ng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần	
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6			
Sáng	1	HĐTN	TV	TV	TV	TV			
	2	TV	TNXH	TV	Công nghệ	TNXH			
	3	TV	T	T	T	T			
	4	T	ÂN	ĐĐ	MT	HĐTN			
Chiều	5	Tiếng Anh	Tin học	GDTC	Tiếng Anh				
	6	Tiếng Anh	TV(bs)	T(bs)	Toán (bs)				
	7	TV(bs)	HĐTN	Tiếng Anh	GDTC				
Tổng tiết/tuần		32							
TỔNG HỢP									
TT	Nội dung			Số lượng tiết học		Chi chú			
1	Tiếng Việt			7					
2	Toán			5					
3	Đạo đức			1					
4	Tự nhiên – Xã hội			2					
5	Giáo dục thể chất			2					
6	Mĩ thuật			1					
7	Âm nhạc			1					
8	Ngoại ngữ			4					
9	Tin học và Công nghệ			2					
10	Hoạt động trải nghiệm			3					
11	Hoạt động củng cố tăng cường			4					
12	Các ngày nghỉ trong năm			13		Nghỉ Tết nguyên đán (từ 27/1 đến 29/2)			
14	Tổng số tiết học kỳ I			576					
15	Tổng số tiết học kỳ II			544					

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3

Bảng phân phối chương trình lớp 3- Học kỳ 1

Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời
-----------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	--------------

[illegible]

Bảng phân phối chương trình lớp 3- Học kỳ 2

[illegible]

3.4. Đối với khối lớp 4

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động GD thực hiện theo tuần trong năm học.

THỜI	Ngày/	Ngày/	Ngày/	Ngày/	Ngày/	Ngày/	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
-------------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	--------------------------

GIAN		tháng	tháng	tháng	tháng	tháng	tháng	
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6		
Sáng	1	HĐTN	TV	TV	TV	TV		
	2	TV	Khoa	TV	LS	Khoa		
	3	TV	T	T	T	T		
	4	Toán	ÂN	ĐĐ	MT	HĐTN		
Chiều	5	Tiếng Anh	Tin học	GDTC	Địa			
	6	Tiếng Anh	TV(bs)	T(bs)	tiếng Anh			
	7	Công nghệ	HĐTN	Tiếng Anh	GDTC			
Tsố tiết/tuần		32						
TỔNG HỢP								
TT	Nội dung			Số lượng tiết học		Chi chú		
1	Tiếng Việt			7				
2	Toán			5				
3	Đạo đức			1				
4	Khoa học			2				
5	Lịch sử-Địa lí			2				
6	Giáo dục thể chất			2				
7	Mĩ thuật			1				
8	Âm nhạc			1				
9	Ngoại ngữ			4				
10	Tin học và Công nghệ			2				
11	Hoạt động trải nghiệm			3				
12	Hoạt động củng cố tăng cường			2				
14	Tổng số tiết học kỳ I			576				
15	Tổng số tiết học kỳ II			544				

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4
Bảng phân phối chương trình lớp 4- Học kỳ 1

[illegible]

Tăng cường Tiếng Việt	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tăng cường Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576

Bảng phân phối chương trình lớp 4- Học kỳ 2

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	119
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Lịch sử- Địa lí	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	510
Tăng cường Tiếng Việt	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tăng cường Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Huy động được các nguồn lực tài chính, xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển nhà trường để tăng cường cơ sở vật chất:

- Xây dựng mới thêm 8 phòng chức năng; đầu tư cho các phòng học bộ môn; sửa chữa nâng cấp các phòng học, nâng cấp hệ thống sân chơi, bãi tập,...; cung cấp trang thiết bị phục phục giảng dạy, học tập và quản lý.

- Cải tạo, nâng cấp khuôn viên nhà trường, phòng học, phòng làm việc và các công trình phụ trợ: nâng cấp hệ thống thoát nước sân trường; cải tạo, trang trí phòng học; cải tạo sân bóng đá mini.

- Trang thiết bị phục vụ dạy - học: Thiết bị dạy học tối thiểu, bàn ghế học sinh, trang bị thêm 02 laptop, 05 màn hình, trang thiết bị ứng dụng CNTT trong dạy học và học tập, 1 máy photo, 1 phòng lab (phòng tiếng Anh); Thư viện điện tử; máy điều hòa,...

2. Thực hiện công tác đội ngũ

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Ưu tiên xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, CBQL có chất lượng cao, có bản lĩnh chính trị đạo đức vững vàng; đồng thời coi trọng xây dựng đội ngũ có ý thức trách nhiệm và năng lực phục vụ dạy học, giáo dục, quản trị nhà trường.

- Tham mưu tuyển dụng đầy đủ đội ngũ giáo viên,

- Khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng và nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sinh hoạt chuyên môn, trong giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

- 100% giáo viên biết sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, biết sử dụng phần mềm để soạn giảng, ra đề thi, hồ sơ sổ sách,...

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Xây dựng quy chế chuyên môn
- Thực hiện chương trình, kế hoạch giảng dạy, giáo dục đảm bảo đúng PPCT, đảm bảo tiến độ theo tuần; soạn bài, chuẩn bị bài; bảo đảm các loại hồ sơ chuyên môn
- Tham gia sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn
- Tất cả Giáo viên phải tự bồi dưỡng và tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ

VI. Tổ chức thực hiện:

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng:

- Chỉ đạo chung và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Chỉ đạo thực hiện, Ban Kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch.
- Xây dựng kế hoạch từng tháng, kế hoạch chuyên đề, chương trình hành động để cụ thể thực hiện kế hoạch chung; chịu trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch, đối chiếu kết quả thực hiện với chỉ tiêu, kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học đã đề ra. Tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch; chỉ đạo các hoạt động và sinh hoạt chuyên môn toàn trường.
- Tham mưu đối ngoại với lãnh đạo các cấp, nhằm bổ sung biên chế giáo viên, tranh thủ mọi nguồn lực để hoàn thiện cơ sở vật chất và nâng cao hiệu quả giáo dục.
- Theo dõi kiểm tra việc thực hiện định mức lao động, ý thức chấp hành, kỷ luật lao động của CBGV CNV trong trường.

2. Trách nhiệm của Phó hiệu trưởng:

- Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.
- Thực hiện báo cáo trước hiệu trưởng hàng tuần, tháng và hàng năm theo kế hoạch; chuẩn bị nội dung chuyên môn báo cáo cấp trên và lĩnh vực được hiệu trưởng phân công.
- Nghiên cứu, phổ biến các Thông tư, Chỉ thị, Quyết định, Quy định, Hướng dẫn về chuyên môn và triển khai thực hiện. Phối hợp và chỉ đạo các bộ phận trong hoạt động thể dục thể thao, văn hoá văn nghệ, các phong trào thi đua...; chỉ đạo các hoạt động và sinh hoạt chuyên môn Tổ khối.

3. Trách nhiệm của tổ chuyên môn, các bộ phận trong nhà trường:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch theo từng giai đoạn.
- Phân công chuyên môn, phân công dạy thay trong tổ. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn cho GV.
- Hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình, các quy định của Ngành cấp trên và của Bộ GD&ĐT. Kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn và kỷ luật lao động của giáo viên. Tổ chức các hoạt động và đổi mới sinh hoạt chuyên môn, nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa, xây dựng phân phối chương trình, thời khóa biểu.

4. Trách nhiệm của đội ngũ giáo viên, nhân viên:

- Căn cứ kế hoạch, kế hoạch năm học của nhà trường, của tổ để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

- Rèn luyện đạo đức, học tập văn hoá, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng hiệu quả giảng dạy và giáo dục (trình độ tin học, ngoại ngữ). Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy theo yêu cầu đổi mới của ngành. Ứng dụng tốt CNTT trong giảng dạy. Tham gia các hoạt động và SHCM, nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa, xây dựng phân phối chương trình, thời khóa biểu.

- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền lợi và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết giúp đỡ đồng nghiệp.

5. Trách nhiệm của học sinh:

- Ra sức học tập và rèn luyện các phẩm chất, năng lực và kỹ năng sống; hình nhân các theo các giá trị văn hóa nhà trường đã xây dựng.

- Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, rèn kỹ năng sống, trau dồi đạo đức, hành vi phù hợp với các chuẩn mực của xã hội.

- Hành vi ngôn ngữ của học sinh phải có văn hoá, phù hợp với đạo đức lối sống của lứa tuổi tiểu học.

6. Trách nhiệm của Ban đại diện cha mẹ học sinh và phụ huynh HS:

- Phối hợp với nhà trường trong giáo dục đạo đức, quản lý học sinh và bồi dưỡng học sinh các giá trị cơ bản trong hệ thống các giá trị mà kế hoạch đã vạch ra. Luôn chăm lo các điều kiện phục vụ cho việc học tập, rèn luyện và phát triển của học sinh.

- Ban đại diện CMHS tổ chức họp phụ huynh theo định kỳ để thông báo tình hình học tập, rèn luyện của HS và đưa ra giải pháp cùng phối hợp giáo dục HS; luôn có những ý kiến tham mưu, đóng góp, giúp đỡ và ủng hộ nhà trường về mọi mặt. Cùng nhà trường hoàn thành các mục tiêu cụ thể của kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2023-2024 của Trường Tiểu học Thị trấn Cầu Quan A. Căn cứ các nội dung trong kế hoạch, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường nghiêm túc triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị có ý kiến kịp thời về Ban lãnh đạo nhà trường để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- PGD-ĐT Tiểu Cần (b/c);
- UBND thị trấn Cầu Quan (b/c);
- Các Tổ chuyên môn (th/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Ngọc Lan

**PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG**